

# KIẾN TẠO THẾ GIỚI CỰC LẠC *giữa đời thường*

Sống trong một thế giới đầy biến động của vô thường, con người thường xuyên đối diện mọi khổ đau cùng cực. Đây chính là thế giới “cực khổ” mà con người phải gánh chịu, thọ nhận. Đức Phật Thích Ca, vì lòng thương tưởng chúng sinh mà Ngài đã hướng mọi người cần phải kiến tạo một thế giới “Cực lạc” để thay thế cho một thế giới “Cực khổ” đang hiện hữu thống trị con người.

**Thích Phước Đạt\***







TÂY PHƯƠNG CỰC LẠC THÁNH CHÚNG A DI ĐÀ PHẬT

**Đ**ức Phật tuyên bố đó chính là thế giới Tịnh độ, mà trong cõi đó mọi chúng sinh không còn bị khổ đau bức bách nữa, chỉ còn an trú trong nội tâm tĩnh lặng, tràn ngập niềm vui của hỷ lạc, nên nước đó có tên gọi là Cực lạc. Một người đang sống trong thế giới “Cực khổ”, biết nỗ lực tu hành, thực hành nếp sống thiện lành theo lời Phật chỉ dạy, vẫn có thể chuyển hoá thân tâm, để quy hướng về thế giới “Cực lạc” ngay giữa cõi đời này.

Bản kinh *A Di Đà* cũng xác lập, đó là thế giới Cực lạc đầy đủ y báo và chánh báo trang nghiêm mà con người khát ngưỡng vươn tới, Phật Thích Ca từng tuyên thuyết: “*Con người hiện hữu đang đối diện khổ đau và luôn hướng nguyện vượt thoát khổ đau*”. Nhờ thực thi chí nguyện đó, chúng sinh thành tựu ba công đức lớn ở đời đúng như ý nghĩa danh hiệu của Đức Phật A Di Đà: “*Vô lượng quang, Vô lượng thọ,*

*Vô lượng công đức*”, như kinh *A Di Đà* mô tả: “*Xá Lợi Phất! Đức Phật đó, hào quang sáng chói vô lượng, soi suốt các cõi nước trong mười phương không bị chướng ngại vì thế nên hiệu là A Di Đà. Đức Phật đó và nhân dân của Ngài sống lâu vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp, nên hiệu là A Di Đà. Đức Phật A Di Đà thành Phật nhân nãi đến nay, đã được mười kiếp*”.

Cũng trong bản kinh *A Di Đà* thiêng liêng này - một kinh được Phật tử nỗ lực trì tụng và thực nghiệm tâm linh, đã mô tả lộ trình về cõi Tây phương rất là sống động, thu hút biết bao người dân, mọi thành phần trong xã hội nỗ lực hành trình về miền Tịnh độ khi phải đối diện trước một thế giới hiện thực quá nhiều khổ đau bức bách mà ngôn ngữ trần thế không diễn đạt hết. Không có gì phải bàn luận nữa, mọi người nhất tâm an trú đồng mãnh tinh tấn lên đường: “... *Hành giả đi về*

*phía Tây quá mười vạn ức Phật độ, có một thế giới Cực lạc của đức Phật A Di Đà*”.

Để đạt đến mục đích cứu cánh này, người học đạo cần phải thiết lập Tín - Hạnh - Nguyện trong cuộc hành trình về miền đất an lạc. Nghĩa là một người tu tập pháp môn hướng niệm về thế giới Cực lạc, trước hết là cần khởi lòng tin bất động có một thế Tịnh độ ở Tây phương do đức Di Đà làm giáo chủ mà thực hành trì niệm Phật, thể nhập hạnh nguyện của mình vào để khi còn hiện hữu nội tâm thanh tịnh, an lạc, lúc sắp lâm chung hướng câu vãng sinh: “*lâm chung Tây phương cảnh, phân minh tại mục tiền*”. Với chí nguyện khát ngưỡng đó, nó lý giải tại sao vào thời kỳ Phật giáo du nhập, sống trong thế giới bị phong kiến phương Bắc đô hộ, chủ trương đồng hoá dân tộc Việt, tín ngưỡng Tịnh độ đã được người dân nước ta thực thi hành trì, mong cầu trong suốt

cuộc đời, ít nhất là khi nhắm mắt xuôi tay, già từ cuộc đời có thể diện kiến Phật, cụ thể là thấy Đức Di Đà tiếp dẫn về cõi Cực lạc ở Tây phương.

Trên tinh thần đó, bản kinh *Vô lượng thọ*, còn gọi là *Đại vô lượng thọ*, thế giới Tây phương được kiến lập bởi một hình thức trang nghiêm của cung điện vàng ngọc, cây báu,... Ở đó còn có Đức Phật A Di Đà đang thuyết pháp cùng với 48 lời nguyện được mọi người dân Phật tử hướng nguyện. Trong 48 lời nguyện này, có lời nguyện rằng tất cả chúng sinh, nếu ai niệm Phật A Di Đà sẽ được Đức Phật Di Đà tiếp dẫn đưa về thế giới Tịnh độ thanh tịnh, đẹp đẽ khi lâm chung.

Tại đây, tự thân người đó không còn bị đau khổ sinh tử trầm luân nữa. Đích thực là tự mình được

diện kiến Phật A Di Đà và được Ngài dạy bảo, sau đó là đời ngày thành Phật. Rõ ràng, tư tưởng và tín ngưỡng mong cầu đạt đến một thế giới Tây phương Tịnh độ để thành Phật là thế. Việc con người sống trong thế giới hiện thực khổ đau này luôn mong ước tìm cầu, hướng niệm được diện kiến hình ảnh Đức Phật A Di Đà ở cõi Tây phương, hẳn nhiên là một nhu cầu có thật và cấp thiết.

Ở nước ta, ngay từ thế kỷ V, tư tưởng Tịnh độ và phương thức niệm Phật đã được hành trì tại nước ta và đi vào đời sống tâm thức mọi người từ đó về sau. Rõ nét nhất là sự kiện sư Đàm Hoàng đến Giao Châu tu hành theo giáo lý Tịnh độ, chỉ tập trung hành trì theo bản kinh *Vô lượng thọ* và *Thập lục quán* với một ước mơ duy nhất là được vãng sinh về thế giới Cực lạc

phương Tây<sup>1</sup>. Theo *Vãng sinh tịnh độ truyện*, quyển thượng từ 112a22-b7 do Giới Châu biên soạn vào năm 1068-1077, Đàm Hoàng đã sống và tu hành như sau: “Thích Đàm Hoàng, người Hoàng Long hoặc nói là người Cao Bru của Quảng Lăng, trong khoảng Tống Vĩnh sơ, nam du Phiên Ngung, dừng ở chùa Đài, sau đến chùa Tiên Sơn, Giao Chỉ vào khoảng năm 425. Ngoài việc nhang đèn, hoàn toàn không làm gì khác, chỉ tụng *Vô lượng thọ* và *Thập lục quán* (*Quán kinh*) không biết bao nhiêu lần. Hoàng mỗi lần niệm nói “*Một thân muôn nối, niệm chính khó giữ, có thể nương niệm chính, mới sớm thấy A Di Đà*”.

Điểm đáng nói là của sự kiện sư Đàm Hoàng trong tiến trình tu tập pháp môn Tịnh độ là sư đã minh chứng cho giới Phật tử bấy



Lễ hoa đăng vía Đức Phật A Di Đà  
(Ảnh: Chùa Hoàng Pháp)

giờ có niềm tin để thực hiện hoài bão thấy Phật là sự thật. Đó cũng là hình ảnh sư đã tự thiêu cúng dường Tam bảo và hóa thân sắc vàng, cưỡi nai vàng đi về Tây phương như trong *Cao Tăng truyện* 12 tờ 405c 19-28 lược ghi: “Vào năm Hiếu Kiến thứ 2 (455), sư nhóm củi trên núi, lên vào trong củi lấy lửa tự thiêu. Đệ tử đuổi kịp, ôm giữ đem về, thì nửa mình đã cháy, trải tháng mới biết chút ít. Sau đó, xóm gần có hội cả chùa đối phó. Hoằng vào ngày ấy, lại vào hang núi tự thiêu. Dân xóm đuổi tìm thì mạng Hoằng đã đứt. Do đó họ chắt củi thêm, đốt lửa ngày hôm sau mới tắt. Ngày hôm đó, dân xóm đều thấy Hoằng thân vàng, sắc vàng, cưỡi một con nai vàng đi về phía Tây rất nhanh, không nghĩ hỏi han. Tăng tục mới hiểu sự thần dị, cùng lượm xương tro, để dựng tháp thờ”.

Cũng từ đó, phải chăng giới Phật tử Việt Nam bây giờ lại có thêm niềm tin về hình ảnh Phật thể A Di Đà mà nhất tâm niệm Phật mọi lúc mọi nơi, cho đến khi nhất tâm bất loạn mà thôi. Ta có thể thấy bản kinh *A Di Đà* ghi: “Hành giả nhất tâm niệm Phật trong một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, bảy ngày cho đến khi nhất tâm bất loạn...”. Đó là lúc mà tự thân người tu trì diện kiến đức Phật A Di Đà ở cõi Tây phương Tịnh độ, giải thoát mọi khổ đau ở đời.

Sách *Thiền Uyển tập anh*<sup>2</sup>, cũng ghi nhận ngoài việc thiền sư Không Lộ tôn trí tượng Phật A Di Đà để phụng thờ, còn đề cập đến việc thiền sư Tịnh Lực, học trò của Đạo Huệ, thuộc thế hệ thứ 11, dòng Vô Ngôn Thông. Ông đã

vâng lời Đạo Huệ dạy “*Tâm ấn chư Phật, người đã có sẵn, không cần theo ai mà được*”. Sư thưa “*Đã được thầy chỉ dạy, nhưng nay nên trụ nơi nào?*”. Đạo Huệ bảo “*Chẳng cần đi đâu xa, ở tại Vũ Ninh là tốt*”. Sư lên thẳng núi, cất am cỏ, ở tu.

Kết quả, qua 12 năm tu hành, sư chứng đắc pháp “*niệm Phật Tam muội*” nhờ công phu niệm Phật mà được đại định. Điều quan trọng là sư đã dạy các môn đồ của mình không nên tìm cầu Phật

Vào thời Trần, không phải ngẫu nhiên, Phật hoàng Trần Nhân Tông, trong *Cư trần lạc đạo phú*, hội thứ hai, Ngài viết: “*Tịnh độ là lòng trong sạch, chớ còn ngờ hỏi đến Tây phương; Di Đà là tính sáng soi, mưa phải nhọc tìm về Cực lạc*”. Ý Ngài muốn khẳng định rằng thế giới Tịnh độ chính là tự tâm thanh tịnh của mỗi người, không cần phải hỏi rằng có hay không có cõi Tịnh độ ở Tây phương. Phật A Di Đà chính là tự tánh sáng soi của chính lòng mình, không cần phải nhọc công



Lễ hoa đăng vía Đức Phật A Di Đà (Ảnh: Chùa Hoằng Pháp)

bên ngoài mà đạt được và nếu muốn diệt trừ các ác nghiệp thì nên áp dụng phương pháp niệm Phật bằng cả tâm lẫn miệng cho đến khi nào để thấy tự tính Di Đà (thấy tánh mà thành Phật). Vậy là pháp môn niệm Phật tam muội (Buddhanussmrti - samādhi) mà Thiền sư Tịnh Lực chứng đắc và phổ biến trong các thiền đường ở nước ta vào thời Lý cho mọi người tu tập, thực chất là phương pháp thiền định bằng cách niệm tưởng (nghĩ nhớ) đến Phật, căn cứ trên bản kinh *Vô lượng thọ và Quán kinh*.

tìm về cõi Cực lạc ở đâu đó nữa. Đây cũng chính là quan điểm của Thiền phái Trúc Lâm về tư tưởng Tịnh độ nhân gian được phổ biến rộng rãi trong tâm thức người dân Đại Việt vào thời Trần.

Thực tế cho thấy, vào đầu đời Trần, kể từ khi Quốc sư Viên Chứng đưa ra lời khuyên cho vua Trần Thái Tông trong cuộc hành trình lên núi Yên Tử mong cầu làm Phật được ghi trong *Thiền tông chỉ nam tự*: “*Trong núi vốn không có Phật, Phật ở trong tâm, chỉ cần lòng lặng mà biết, đó*

Mục đích cuối cùng Phật hoàng mong muốn là làm hóa hiện thế giới  
Tịnh độ ngay giữa cuộc đời (Tây phương Cực lạc) bằng cách mỗi người  
dân Đại Việt tu tập thành tựu được cái tâm thanh tịnh, trong sạch,  
không có sự cấu bẩn của bụi trần (Tịnh độ là lòng trong sạch).

chính là chân Phật”; hệ quả, một quan điểm mới về Phật thể được hình thành. Trong một bối cảnh đất nước Đại Việt đang xây dựng và phát triển trên mọi lĩnh vực, nhất là khẳng định bản sắc văn hóa dân tộc Đại Việt, ắt hẳn nó sẽ tạo sự tác động lớn vào tâm thức con người và đời sống xã hội.

Mỗi khi tư duy Phật thể thay đổi, nội dung sinh hoạt Phật giáo thay đổi hẳn. Ta chẳng ngạc nhiên gì, các nhà lãnh đạo Phật giáo và lãnh đạo quốc gia đời Trần lấy Thiền tông làm hệ tư tưởng chính, thế nên mọi tông môn, pháp môn tu tập truyền thống như niệm Phật, bái sám, trì kinh... đều được quy hướng theo sắc thái thiền trong các danh lam, thiền đường, chùa chiền bấy giờ. Mục đích cuối cùng là vận dụng mọi pháp môn tu tập vào đời thường, khiến mọi người đều kiến tánh thành Phật, tức là thành Phật ngay giữa cuộc đời này.

Rõ ràng, Phật giáo Thiền tông bấy giờ đã nhìn nhận Đức Phật luôn hiện hữu ngay trong tâm thức, chỉ cần lòng lặng mà biết thì ai cũng trở thành Phật. Một quan điểm như thế đã tác động chi phối toàn bộ lịch sử tư tưởng Phật giáo Đại Việt, điều đó có nghĩa nó cũng ảnh hưởng tương tác với lịch sử tư tưởng dân tộc từ đó về sau. Trong bài *Niệm Phật luận*, Trần Thái Tông đã phát biểu dứt khoát: “*Thân ta tức là*

*thân Phật, không có hai tướng*”. Tuệ Trung Thượng sĩ trong cuốn *Thượng sĩ ngữ lục* cho rằng: “*Khi mê không biết ta là Phật*”; Trần Nhân Tông trong *Cư trần lạc đạo phú* (đệ ngũ hội) tuyên bố: “*Bụt ở cong nhà, Chẳng phải tìm xa, Nhân khuấy bốn nên ta tìm Bụt, Chín mới hay chính Bụt là ta*”. Rõ ràng, các thiền gia chứng ngộ đời Trần đã nói rõ Phật và chúng sanh không khác. Đó chính là giá trị nhân sinh của tinh thần Thiền học như lời giải đáp tại sao chúng ta hiện hữu trên cõi đời này.

Thế nên, trong cương vị Tổ khai sáng dòng thiền Trúc Lâm, cũng là người đứng đầu quốc gia Đại Việt, Phật hoàng Trần Nhân Tông khao khát xây dựng dựng thế giới Tịnh độ nhân gian ngay tại cuộc đời này, xây dựng cõi Tây phương ở chốn trần thế đầy bụi bặm trong tinh thần *Cư trần lạc đạo*. Sự thật này không ngẫu nhiên thiết lập được, nó là một quá trình thể nhập chuyển hóa nội tâm qua những phương thức tu trì lâu dài của cả cộng đồng người dân Đại Việt, diễn ra từ khi đạo Phật du nhập vào nước ta đến nay.

Đến thời Trần, quá trình hình thành hội nhập và phát triển đã hội tụ đầy đủ các tông thiền, tịnh, mật trong diễn trình sinh hoạt tâm linh của cộng đồng người dân Đại Việt. Với quan điểm *Phật tại tâm*, phương thức niệm Phật

theo Thiền phái Trúc Lâm là loại bỏ niệm sâu thay vào đó là niệm tốt để tâm trở nên trong sạch hoàn toàn. Mục đích cuối cùng Phật hoàng mong muốn là làm hóa hiện thế giới Tịnh độ ngay giữa cuộc đời (Tây phương Cực lạc) bằng cách mỗi người dân Đại Việt tu tập thành tựu được cái tâm thanh tịnh, trong sạch, không có sự cấu bẩn của bụi trần (Tịnh độ là lòng trong sạch).

Do đó, mỗi người dân Đại Việt bấy giờ, sống trong một xã hội đầy biến động, việc cần xác định trước tiên, là biện tâm, tẩy rửa tâm để tâm thanh tịnh. Mỗi khi tâm thanh tịnh thì Tịnh độ mới xuất hiện ở cõi lòng. Nói như trong *Khóa hư lục*, bản kinh nhật tụng đời Trần, qua bài *Niệm Phật luận* là tâm người học đạo luôn phải khởi niệm thiện, khi niệm thiện khởi thì niệm ác không có cơ duyên hiện khởi “*Tâm khởi điều thiện tức tức là điều thiện. Niệm thiện khởi thì thiện nghiệp báo ứng lại*”. Để có những niệm thiện, những niệm tốt, ý nghĩ lành thì không cách gì hơn là mỗi người nên niệm Phật. Niệm Phật nhằm có khả năng xử lý những sai lầm, ngộ hầu dập tắt ba nghiệp thân khẩu ý: “*Ư niệm Phật thì chánh thân đoan toạ, bất hành tà hạnh, thị tức thân nghiệp dã. Khẩu tụng chân ngôn, bất đạo tà ngữ, thị tức khẩu nghiệp dã. Ý tôn tinh tiến, bất khởi tà niệm,*



*thị tức ý nghiệp dã”<sup>4</sup> (Trong lúc niệm Phật thân thẳng ngồi ngay, không làm việc tà, như vậy là tất được nghiệp thân. Miệng tụng lời chân chính, không nói điều xằng bậy, thế là tất được nghiệp miệng. Ý chăm chú ở sự tinh tiến, không nảy sinh ý nghĩ tà, thế là tất được nghiệp ý).*

Trong tinh thần niệm Phật theo sắc thái thiền đó, niệm Phật trở thành phương thức tu tập loại bỏ tập khí dần dần, hướng đến thuần thực để tâm trở nên tịch tịnh. Đối tượng để tu tập là nhớ nghĩ về Phật. Tập trung nghĩ vào một đối tượng là một hình thức “*chỉ*”, sâu hơn nữa thấy rõ tâm thức ấy biểu hiện những hành động gì, có sai trái thì phải nỗ lực hồi cải, tẩy rửa tâm thức. Đây là một hình thức “*quán*”. Mỗi khi hành giả đã quán thấy rõ sự vật, tinh thức với những việc sai trái thì sẽ điều chỉnh. Đây là một phương thức “*chỉ quán song tu*”, thực chất là những bước đi đầu tiên của thiền. Việc vận dụng pháp môn niệm Phật vào việc hành thiền, chứng

tỏ Thiền phái Trúc Lâm kế thừa và tùy duyên hướng dẫn quần chúng bước vào nếp sống đạo thiền đi từ thấp đến cao, chú tâm hướng nội, tìm lại Phật thân. Phật thân đó, ta có thể tóm tắt ngắn gọn tôn ý của Phật Hoàng “*Tịnh độ là lòng trong sạch, Di Đà là tự tính sáng soi*”. Đây là kết quả biến đổi từ một nội dung mang màu sắc tư tưởng tịnh độ sang sắc thái “*thiền*” mà thiền Trúc Lâm nỗ lực thiết lập và vận dụng vào đời sống tu tập thực tiễn.

Chủ trương này đã hóa thành hiện thực, nó lý giải tại sao vào đời Trần - Phật giáo Đại Việt có hình ảnh Phật hoàng Trần Nhân Tông ra đời, và quan trọng hơn mọi người dân nước Việt có thể kiến tạo Phật quốc trong lòng mình bằng nếp sống đạo Thiền “*Cư trần lạc đạo*”, đúng như trong *Thượng sĩ ngữ lục* của Trần Tung mô tả qua bài kệ *Thị tu Tây phương bôn*<sup>5</sup>:

*“Tâm nội Di Đà tử má khu,  
Đông tây nam bắc pháp thân chu.  
Trường không chỉ kiến cô luân  
nguyệt,*

*Sát hải trùng trùng dạ man thu”.*  
(Thân báu Di Đà tại đáy lòng,  
Bốn phương thân pháp tỏa mênh mông.

Cả trời chỉ thấy vầng trăng quạnh,  
Đêm lắng vào thu vũ trụ trong).

Ngày nay, trong tiếng kinh cầu muôn phương, tự thân mỗi người phải là một vị Phật A Di Đà toả sáng với tuệ giác vô lượng, thọ mạng vô lượng, và công đức vô lượng. Mục đích là để kiến tạo cho đời một thế giới Tịnh độ nhân gian ngay giữa cõi đời này được hiện thực hoá mãi mãi trong việc mưu cầu hạnh phúc thật sự.

**Chú thích:**

\* TT.TS Thích Phước Đạt - Ủy viên HĐTS, Phó ban kiêm Chánh Thư ký Ban Giáo dục Phật giáo Trung ương GHPGVN.

1. Lê Mạnh Thát, *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, tập 1, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1999.
2. Lê Mạnh Thát, *Nghiên cứu Thiền uyển tập anh*, Nxb TP. HCM, 1999, tr.223.
3. *Thơ văn Lý - Trần*, tập 2, quyển thượng, Nxb. KHXH, HN, 1989, tr.505.
4. Viện văn học, *Thơ văn Lý Trần*, tập 2, quyển thượng, Nxb. KHXH, HN, 1989, tr.84.
5. Viện Văn học, *Thơ văn Lý - Trần*, Sđd, tr.242.